



4. Thủ tục cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công ten nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.

a) Trình tự thực hiện:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Trung Tâm Quản lý Giao thông công cộng – Sở Giao thông vận tải(số 27 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- **Bước 2:** Trung Tâm Quản lý Giao thông công cộng - Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, cấp biển hiệu cho phương tiện vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua địa chỉ giao dịch điện tử của đơn vị và nêu rõ lý do.

- **Bước 3:** Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Trung Tâm Quản lý Giao thông công cộng – Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Trung Tâm Quản lý Giao thông công cộng – Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ theo Khoản 5 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu theo mẫu quy định tại phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT;

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho

thuê tài sản (tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật theo Điểm a Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP).

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã (Điểm a Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP);

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe để nghị cấp phù hiệu.

- Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính và 08 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do (Khoản 8, Điều 55, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT)

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp (đôi) phù hiệu, biển hiệu theo phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của các xe (Khoản 8 và Điểm a Khoản 11 Điều 55 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT).

- Văn bản trả lời xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở GTVT địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (Khoản 12 Điều 55 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:



- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CHỖ
TÀI
CHỖ

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyên CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.